SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM

ĐỀ CHÍNH THỰC

KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021 Môn: TIẾNG ANH – Lớp 8

(2 Kỹ năng + kiến thức ngôn ngữ)

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm có 02 trang)

ĐÈ A

I. Ngữ âm (1.0 điểm)							
* Chọ	n 1 từ có phầi	ı gạch dı	ưới được phát	âm khác với ph	nần gạch dưới	của các từ còn lại	
trong m	ỗi câu sau (0.	5 điểm)					
1. A. ins	t ea d	В. а	alr ea dy	C. t <u>ea</u> mmate	D. spi	r <u>ea</u> d	
2. A. des	s <u>i</u> gn	В. і	ncluded	C. arr i val	D. rec	cogn i ze	
* Chọn 1 từ có trọng âm chính ở vị trí khác với vị trí các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)							
				C. buffalo			
4. A. pei	rform	В. с	contest	C. luggage	D. pat	D. patient	
II. Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hay D) để hoàn thành mỗi câu sau (2.5 điểm)							
1. Would you mind if I your bike?							
A	. borrow	В. 1	oorrowed	C. borrowing	g	D. to borrow	
2. It's re	ally hard		that peop	ole might live o	n the moon in	the future.	
A	. to believe	B. 1	oelieve	ole might live o C. believing		D. believes	
3. If a patient can't walk, he/ she can use					to move around.		
A	. an eye chart	В. а	a stretcher	C. a wheelch	nair	D. a scale	
4. He tried to do homework every day in order the final exam.							
A	. to fail	B. 1	not fail	C. didn't fail	l	D. not to fail	
5. Farme	ers use vegetal	ole matte	r and animal d	ung to make		_•	
A	. waste	B.]	paper	C. garbage		D. compost	
A. waste B. paper C. garbage D. compost 6. The Christmas cards A. designed B. designing C. are designed D. compost D. com							
A	. designed	В. с	designing	C. are design	ned	D. are designing	
			t. Shall I get yo	ou some sterile	dressing?"		
Nga:	···	·"					
A. That's very kind of you			B. Yes, certa	B. Yes, certainly			
A. That's very kind of you C. I'm afraid not			D. I'm sorry	D. I'm sorry. I can't			
8. An Ei	nglish-speakin	g contest	·	at our scho	ol next week.		
				C. will hold			
9. Lan's mother gets upset because she games with her smart phone.							
A. always play					B. is always playing		
C. always is playing			D. playing a	D. playing always			
10. Landinner with her family when her aunt came.							
A	. ate	В. ч	was eating	C. eats		D. will eat	
III. Đọc	hiểu (3.5 điển	n)					
A. Đọc đoạn văn, chọn từ trong khung để điền vào chỗ trống trong đoạn văn (1.5 điểm)							
	historic	with	tourists	food	museums	famous	
London is Britain's biggest city. It is a very old city and dates back to the Romans. It is a							
city of (1) buildings and churches, and it has many beautiful parks. It also has							
•			_		-	ded in summer. It is a	
						ight million visitors a	
						tores. London has an	
J				Pring and	Parament 0	mas an	

excellent underground railway system, so it is easy for (5) to get around. In London, there are plenty of good restaurants where you can get excellent British (6) The city also has lots of good Indian, Chinese, Japanese, French, Italian,
and Greek restaurants.
B. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi dưới đây (2.0 điểm)
Vietnam's New Year is celebrated according to the Lunar calendar. It is officially known as Tet Nguyen Dan, or Tet. It occurs between January twenty-first and February nineteenth. Vietnamese people usually make preparations for the holiday several weeks beforehand. They tidy their houses, cook special food and make offerings On the New Year's Eve, people sit up to midnight to see the New Year in, then they put on new clothes and give one another the greetings of the season. The first three days are the most important. Vietnamese people believe that how people act during those days will influence the whole year.
1. When does the Vietnam's New Year occur?
2. What do people do to prepare for the holiday?
3. Why do people sit up to midnight?
4. Are the first three days of the festival believed to be very important?
IV. Viết (3.0 điểm) * Đặt câu hỏi cho cụm từ được gạch dưới (0.5 điểm)
1. They will be in the town <u>for three nights</u> .
→
→* Sắp xếp các từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa (1.0 điểm)
3. Andrew / hard / to / win / the / is / first prize / in / the English-speaking / so / wants / he / training / contest, / very / now. //
 → 4. Mr. Green / up / on time. / the meeting / early / so as / to / got / get / to // →
* Hoàn thành câu thứ 2 sao cho nghĩa không thay đổi với câu thứ nhất (1.5 điểm) 5. Dr. Kim will make a new time machine next year.
\rightarrow A new time
7. My brother started studying English when he was in grade 3.
\rightarrow My brother has
HẾT